

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 05/08/2026

V/v: “*Tranh chấp Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Hào

Ông Trần Xuân Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Nghệ An: Ông Lữ Trường Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 08 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 04 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 06 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2026/QĐST- HNGĐ ngày 17 tháng 07 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Ngọc T**; sinh năm: 1973;

Số CCCD: 040073006522, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 27/4/2021;

Địa chỉ: **Xóm N, xã N, tỉnh Nghệ An**. Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1974;

Số CCCD: 040174026955;

Địa chỉ: Địa chỉ: **Xóm N, xã N, tỉnh Nghệ An**. Hiện đang ở Đà Loan. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết hôn ngày 15 tháng 01 năm 2026 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông trình bày: Ông và bà **Lê Thị L** đăng ký kết hôn vào ngày 11/07/1992 tại **UBND xã N, huyện N (nay là xã N), tỉnh Nghệ An** trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở cùng với mẹ ông **T** được hai năm thì ra ở riêng và cuộc sống cũng khá hạnh phúc; đến năm 2004 do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng bàn bạc cho

bà L đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Từ đó đến nay, bà L chỉ về nước hai lần vào năm 2006 và năm 2011; tuy vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng từ năm 2011 đến nay, bà L không về, không liên lạc với ông T, không gửi tiền về cùng ông T nuôi con. Do không còn liên lạc với nhau nên ông T không biết địa chỉ của bà L ở Đài Loan để cung cấp cho Tòa án; theo ông T thì bà L vẫn liên lạc với mẹ đẻ của bà L là bà Lê Thị V ở xóm N, xã N, tỉnh Nghệ An.

Nay ông T xác định hai người không còn tình cảm, nên xin được ly hôn với bà L để hai người giải thoát cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là Nguyễn Thị G, sinh ngày 21 tháng 05 năm 1993; Nguyễn Thị T1, sinh ngày 13 tháng 12 năm 1995; Nguyễn Thị M, sinh ngày 23 tháng 10 năm 1998, không nhận nuôi con nuôi; hiện tại cả ba con chung đều đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập, nên ông T không yêu cầu Tòa án Giải quyết.

Về tài sản chung và các nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn bà Lê Thị L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi, niêm yết thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng; có Công văn đề nghị gia đình bà L cung cấp thông tin, địa chỉ của bà L ở nước ngoài, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa.

Tại buổi làm việc ngày 12/06/2026, bà Lê Thị V (mẹ đẻ bà L) cho biết: Bà L là con gái bà đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Từ khi đi đến nay mới về thăm nhà hai lần nên mâu thuẫn vợ chồng thế nào, bà không biết. Sau khi bà nhận được Thông báo thụ lý và công văn của Tòa án yêu cầu cung cấp địa chỉ bị đơn, bà đã trao đổi với bà L qua điện thoại những nội dung Tòa án yêu cầu, thông báo việc Tòa án yêu cầu bà L cung cấp địa chỉ cụ thể ở nước ngoài nhưng bà L không cung cấp. Vì vậy, bà không biết địa chỉ, nơi cư trú và nơi làm việc của bà L ở Đài Loan để cung cấp cho Tòa án; bà cũng đã trao đổi với bà L nội dung ông T xin ly hôn thì bà L không có ý kiến gì, do ông T giải quyết; về con chung thì các con đều đã trưởng thành, nên bà L cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản bà không có yêu cầu gì. Do công việc ở nước ngoài không về được, nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa bà với ông T theo quy định.

Theo Biên bản xác minh ngày 12/6/2026 tại xóm N, xã N, tỉnh Nghệ An, ban cán sự xóm cho biết: Bà Lê Thị L có đăng ký thường trú tại Xóm N, xã N, tỉnh Nghệ An, nhưng không có mặt tại địa phương, hiện tại đang đi làm việc tại nước Đài Loan, địa chỉ thế nào thì địa phương không biết vì đã lâu bà L không về địa phương.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật

Tổ tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đã đầy đủ, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 122, 123 và Điều 127 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 479 - Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Ngọc T** là cho ông **T** được ly hôn với bà **Lê Thị L**.

+ Về con chung: 03 con chung của ông **T**, bà **L** đều đã đủ tuổi trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về chia tài sản chung: Ông **Nguyễn Ngọc T** không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc ông **Nguyễn Ngọc T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về tranh chấp “Ly hôn”. Nguyên đơn hiện cư trú tại **xã N, tỉnh Nghệ**. Căn cứ vào công văn xuất nhập cảnh số 1704/QLXNC-Đ1 ngày 16/04/2026 của **Phòng Q Công an tỉnh N** thể hiện: Bị đơn bà **Lê Thị L** hiện đang sinh sống ở nước ngoài. Trước khi xuất cảnh, bà **L** có địa chỉ cư trú tại **xóm N, xã N, huyện N (nay là N), tỉnh Nghệ An**. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 40 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025); Điều 122, Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà **Lê Thị L** vắng mặt. Tòa án đã gửi công văn yêu cầu bà **Lê Thị V**

(mẹ đẻ bà **L**) cung cấp tin tức, địa chỉ của bị đơn và thông báo cho bị đơn biết để bị đơn gửi lời khai về cho Tòa án. Tuy nhiên, bà **V** không cung cấp được địa chỉ hiện nay của bị đơn. Đến nay, Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trình bày ý kiến của bà **L** có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu, chứng cứ cần thiết. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bà **L** trước khi xuất cảnh theo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông **Nguyễn Ngọc T** và bà **Lê Thị L** là hôn nhân hợp pháp, không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn nhận thấy: Giữa ông **T** và bà **L** đã xảy ra mâu thuẫn, không còn sống chung với nhau từ năm 2011 cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa ông **T** và bà **L** không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có đủ căn cứ cho ông **T** được ly hôn bà **L** là đúng quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung:

Xét thấy: Cả ba con chung của ông **T**, bà **L** đều đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập, nên ông **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết, vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Do ông **T** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện khi có yêu cầu.

[4]. Về án phí: Ông **Nguyễn Ngọc T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 122, 123 và Điều 127 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 228, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Nguyễn Ngọc T**

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ông **Nguyễn Ngọc T** được ly hôn bà **Lê Thị L**.

2. *Về con chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. *Về chia tài sản*: Ông **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí*: Ông **Nguyễn Ngọc T** phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0002340 ngày 07 tháng 04 năm 2026. Ông **T** đã nộp đủ.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn ông **Nguyễn Ngọc T** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn bà **Lê Thị L** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 – Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nghĩa Lộc, tỉnh Nghệ An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngoan

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN**

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

L1

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Thuận Trung, tỉnh Nghệ An;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thanh

